

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/KDTM-ST  
Ngày: 15/12/2020  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Công Tình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Quý

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Văn Đoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 49/2020/TLST-KDTM ngày 28/7/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 512/2020/QĐXXST-KDTM ngày 02/11/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 291/2020/QĐST-KDTM ngày 24/11/2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ngân hàng thương mại cổ phần T

Địa chỉ: Tòa nhà T, số 57 phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 – địa chỉ: 214 đường P, Phường X, quận P, TP. Hồ Chí Minh (xin vắng mặt)

***2. Bị đơn:*** Công ty cổ phần thương mại V

Địa chỉ: 46 đường C, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đình D, sinh năm 1989 (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 04/4/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần T và Công ty cổ phần thương mại V ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 204/2018/HĐTD/BTA/01; theo hợp đồng đã ký kết Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty cổ phần thương mại V khế ước nhận nợ số 204/2018/GNN/BTA/01 ngày 04/4/2018 với số tiền cho vay là 268.000.000 đồng, mục đích vay mua xe, thời hạn vay 36 tháng; lãi suất áp dụng kể từ ngày 05/4/2018 đến ngày 04/10/2018 là 7.2%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 04/4/2021 được điều chỉnh định kỳ 03 (ba) tháng một lần và bằng cơ sở khách hàng doanh nghiệp 03 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh với biên độ 4,5%/năm.

Thực hiện hợp đồng vay tính đến ngày 15/12/2020 Công ty cổ phần thương mại V đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 132.871.058 đồng (trong đó số tiền gốc là 107.025.143 đồng, lãi trong hạn là 25.435.974 đồng, lãi quá hạn 409.941 đồng và còn nợ lại Ngân hàng số tiền là 195.746 đồng (trong đó số tiền gốc là 160.974.857 đồng, lãi trong hạn là 16.425.710 đồng và lãi quá hạn là 18.346.113 đồng).

Ngày 08/6/2018 Ngân hàng TMCP T và Công ty cổ phần thương mại V ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 204/2018/HĐTD/BTA/02; theo hợp đồng đã ký kết Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty V khế ước nhận nợ số 204/2018/GNN/BTA/02 ngày 08/6/2018 với số tiền cho vay là 154.000.000 đồng, mục đích vay mua xe, thời hạn vay 48 tháng; lãi suất áp dụng kể từ ngày 09/6/2018 đến ngày 08/6/2019 là 7.9%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 08/5/2022 được điều chỉnh định kỳ 03 (ba) tháng một lần và bằng cơ sở khách hàng doanh nghiệp 03 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh với biên độ 4,55%/năm.

Thực hiện hợp đồng vay tính đến ngày 15/12/2020 Công ty cổ phần thương mại V đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 66.279.716 đồng (trong đó số tiền gốc là 51.333.328 đồng, lãi trong hạn là 14.604.409 đồng, lãi quá hạn 341.979 đồng và còn nợ lại Ngân hàng số tiền là 120.827.831 đồng (trong đó số tiền gốc là 102.666.672 đồng, lãi trong hạn là 11.722.954 đồng và lãi quá hạn là 6.438.205 đồng)

Để bảo đảm cho hai khoản vay nêu trên Công ty cổ phần thương mại V đã thế tài sản bảo đảm là: xe ô tô tải nhãn hiệu VEAMVT252-1MB, màu trắng, số khung RN1E1B1C9HLF00733, số máy D4BFG824500, biển số 51D-317.61 và xe ô tô tải nhãn hiệu VEAMVPT095MB/TK, màu xanh số khung RN1A4B1K9JLE00215, số máy CA4GX15117722, biển số 51D-325.35. Do Công ty cổ phần thương mại V vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc Công ty cổ phần thương mại V phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu của hai hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng cấp tín dụng số 204/2018/HĐTD/BTA/01 ngày 04/4/2018; Công ty cổ phần thương mại V còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 195.746 đồng (trong đó số tiền gốc là 160.974.857 đồng, lãi trong hạn là 16.425.710 đồng và lãi quá hạn là 18.346.113 đồng).

Đối với hợp đồng cấp tín dụng số 204/2018/HĐTD/BTA/02 ngày 08/6/2018; Công ty còn Ngân hàng nợ Ngân hàng số tiền là 120.827.831 đồng (trong đó số tiền gốc là 102.666.672 đồng, lãi trong hạn là 11.722.954 đồng và lãi quá hạn là 6.438.205 đồng). Tổng cộng số tiền là 316.574.511 đồng

Kể từ ngày 16/12/2020 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi Công ty cổ phần thương mại V thực hiện việc thanh toán nợ xong cho Ngân hàng.

Nếu Công ty cổ phần thương mại V không thực hiện việc trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét cho tuyên phát mãi tài sản thế chấp là: Xe ô tô tải nhãn hiệu VEAMVT252-1MB, màu trắng, số khung RN1E1B1C9HLF00733, số máy D4BFG824500, biển số 51D-317.61 và xe ô tô tải nhãn hiệu VEAMVPT095MB/TK, màu xanh số khung RN1A4B1K9JLE00215, số máy CA4GX15117722, biển số 51D-325.35 để đảm bảo thi hành án.

*Bị đơn:* Công ty cổ phần thương mại V – người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Đình D (vắng mặt, không có lời khai).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào tác tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Công ty cổ phần thương mại V có địa chỉ trụ sở chính tại: 46 đường C, phường L, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 02/6/2020 và tài liệu, chứng cứ kèm theo của Ngân hàng TMCP T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng thương mại về hợp đồng tín dụng sản được pháp luật quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/8/2020 Tòa án kết hợp với Ủy ban nhân dân phường, Công an phường Linh Chiểu ghi nhận tại địa chỉ 46 đường C, phường L, quận Thủ Đức; không có bằng hiệu, không có Công ty cổ phần thương mại V hoạt động; ông Phan Văn Thắng là cảnh sát khu vực cho biết tại địa chỉ trên không có ai tên Vũ Đình D, sinh năm 1989 đang thực tế cư trú.

[1.4]. Bị đơn Công ty cổ phần thương mại V có người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Đình D nhân danh Công ty cổ phần thương mại V ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP T. Căn cứ Điều 79 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng gắn kết với địa chỉ của pháp nhân theo địa chỉ của pháp nhân tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty cổ phần thương mại V tại địa chỉ trụ sở chính là 46 đường C, phường L, quận T. Vì vậy, không cần tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của cá nhân là người đại diện theo quy định của pháp luật của Công ty cổ phần thương mại V; bởi lẽ khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự 2015 quy định “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”. Tòa án đã thực hiện việc thông báo về việc bị khởi kiện, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa tại địa chỉ của Công ty. Nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần thương mại V không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do, coi như đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Đó đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty cổ phần thương mại V là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.5]. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H tham gia tố tụng và được Tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là

phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc còn thiếu chưa thanh toán của hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày 15/12/2020 là 263.641.529 đồng; tiền lãi trong hạn là 28.148.664 đồng, lãi quá hạn là 24.784.318; tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 316.574.511 đồng. Kể từ ngày 16/12/2020 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi Công ty cổ phần thương mại V thực hiện việc thanh toán nợ xong cho Ngân hàng.

[2.1]. Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 204/2018/HĐTD/BTA/01 ngày 04/4/2018 và khế ước giải ngân và nhận nợ số 204/2018/GNN/BTA/01 ngày 04/4/2018 được ký kết giữa bên cho vay Ngân hàng thương mại cổ phần T và bên được cấp tín dụng Công ty cổ phần thương mại V có nội dung "... Ngân hàng thương mại cổ phần T cho Công ty cổ phần thương mại V vay số tiền là 268.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng từ ngày 05/4/2018 đến ngày 04/4/2021; mục đích vay mua xe ô tô; lãi suất vay áp dụng kể từ ngày 05/4/2018 đến ngày 04/10/2018 là 7.2%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 04/4/2021 được điều chỉnh định kỳ 03 (ba) tháng một lần và bằng cơ sở khách hàng doanh nghiệp 03 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh với biên độ 4,5%/năm ...".

[2.2]. Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 204/2018/HĐTD/BTA/02 ngày 08/6/2018 và khế ước giải ngân và nhận nợ số 204/2018/GNN/BTA/02 ngày 08/6/2018 được ký kết giữa bên cho vay Ngân hàng thương mại cổ phần T và bên được cấp tín dụng Công ty cổ phần thương mại V có nội dung "... Ngân hàng thương mại cổ phần T cho Công ty cổ phần thương mại V vay số tiền là 154.000.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng từ ngày 09/6/2018 đến ngày 08/6/2022; mục đích vay mua xe ô tô; lãi suất vay áp dụng kể từ ngày 05/4/2018 đến ngày 04/10/2018 là 7.2%/năm; lãi suất áp dụng kể từ ngày 09/6/2018 đến ngày 08/6/2019 là 7.9%/năm; lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 08/5/2022 được điều chỉnh định kỳ 03 (ba) tháng một lần và bằng cơ sở khách hàng doanh nghiệp 03 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh với biên độ 4,55%/năm ...". Như vậy, việc vay nợ giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T và Công ty cổ phần thương mại V là có thật, sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[2.3]. Thực hiện hợp đồng vay đại diện nguyên đơn trình bày:

Đối với hợp đồng cấp tín dụng số 204/2018/HĐTD/BTA/01 ngày 04/4/2018; Công ty cổ phần thương mại V đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 107.025.143 đồng, lãi trong hạn là 25.435.974 đồng, lãi quá hạn 409.941 đồng; tổng cộng 132.871.058 đồng và ngưng thanh toán kể từ ngày 27/5/2019. Tính đến ngày 15/12/2020 Công Ty V còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 160.974.857 đồng, lãi trong hạn là 16.425.710 đồng và lãi quá hạn là 18.346.113 đồng). tổng cộng số tiền là 195.746 đồng.

Đối với hợp đồng cấp tín dụng số 204/2018/HĐTD/BTA/02 ngày 08/6/2018; Công ty đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc 51.333.328 đồng, lãi trong hạn là 14.604.409 đồng, lãi quá hạn 341.979 đồng. tổng cộng số tiền là 66.279.716 đồng và ngưng thanh toán kể từ ngày 27/5/2019. Tính đến ngày 15/12/2020 Công ty V còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 102.666.672 đồng, lãi trong hạn là 11.722.954 đồng và lãi quá hạn là 6.438.205 đồng; tổng cộng số tiền là 120.827.831 đồng.

Ngày 07/01/2020 nguyên đơn đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn; Ngân hàng đã yêu cầu Công ty cổ phần thương

mại V trả nợ nhưng Công ty cổ phần thương mại V vẫn không thực hiện tiếp việc trả nợ. Do đó lỗi vi phạm hợp đồng vay thuộc về Công ty cổ phần thương mại V kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Điều 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc đòi nợ của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.4.] Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tuyên phát mãi tài sản thế chấp là: xe ô tô tải nhãn hiệu VEAMVT252-1MB, màu trắng, số khung RN1E1B1C9HLF00733, số máy D4BFG824500, biển số 51D-317.61 và xe ô tô tải nhãn hiệu VEAMVPT095MB/TK, màu xanh số khung RN1A4B1K9JLE00215, số máy CA4GX15117722, biển số 51D-325.35.

Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp tài sản số 204/2018/HDBD/BTA01 ngày 04/4/2018 được ký kết giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng thương mại cổ phần T và bên thế chấp Công ty cổ phần thương mại V có nội dung "... tài sản bảo đảm gồm: xe ô tô tải nhãn hiệu VEAMVT252-1MB, màu xe trắng, số khung RN1E1B1C9HLF00733, số máy D4BFG824500, biển số 51D-317.61 ...".

Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp tài sản số 204/2018/HDBD/BTA02 ngày 08/6/20218 được ký kết giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng thương mại cổ phần T và bên thế chấp Công ty cổ phần thương mại V có nội dung "... tài sản bảo đảm gồm: xe ô tô tải nhãn hiệu VEAMVPT095MB/TK, màu xanh, số khung RN1A4B1K9JLE00215, số máy CA4GX15117722, biển số 51D-325.35 ...". Thực hiện hợp đồng vay phía Công ty cổ phần thương mại V không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng đầy đủ như thỏa thuận. Do đó căn cứ Điều 342, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 317, Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì yêu cầu phát mãi tài sản của nguyên đơn là có căn cứ.

[3]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm như đã nêu trên.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 15.828.726 đồng; Công ty cổ phần thương mại V phải chịu; Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền: 2.000.000 đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ xong hết 2.000.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nên Công ty cổ phần thương mại V phải chịu và có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng 342, 355, 471 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 317, 299, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể.

1.1. Buộc Công ty cổ phần thương mại V phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng cộng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày

15/12/2020 là 316.574.511 đồng (trong đó số tiền gốc là 263.641.529 đồng; tiền lãi trong hạn là 28.148.664 đồng, lãi quá hạn là 24.784.318 đồng. Trong đó số tiền cụ thể của từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 204/2018/HĐTD/BTA/01 ngày 04/4/2018; vốn gốc là 160.974.857 đồng, lãi trong hạn là 16.425.710 đồng, và lãi quá hạn là 18.346.113 đồng, tổng cộng số tiền là 195.746.680 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 204/2018/HĐTD/BTA/02 ngày 08/6/2018; vốn gốc là 102.666.672 đồng, lãi trong hạn là 11.722.954 đồng, và lãi quá hạn là 6.438.205 đồng, tổng cộng số tiền là 120.827.831 đồng.

Kể từ ngày 16/12/2020 tiền lãi tiếp tục phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi Công ty cổ phần thương mại V thực hiện việc thanh toán nợ xong cho Ngân hàng.

**1.2.** Trường hợp Công ty cổ phần thương mại V không thực hiện việc trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: xe ô tô tải nhãn hiệu VEAMVT252-1MB, màu trắng, số khung RN1E1B1C9HLF00733, số máy D4BFG824500, biển số 51D-317.61 và xe ô tô tải nhãn hiệu VEAMVPT095MB/TK, màu xanh số khung RN1A4B1K9JLE00215, số máy CA4GX15117722, biển số 51D-325.35.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm 15.828.726 (mười lăm triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi sáu) đồng Công ty cổ phần thương mại V phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 7.329.154 (bảy triệu ba trăm hai mươi chín nghìn một trăm năm mươi bốn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0057495 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

**3.** Buộc Công ty cổ phần thương mại V phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

**4.** Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

**5.** Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự quận Thủ Đức; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp. (3)

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Công Tình**